

Số: 05/2018/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 12 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản
công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 1734/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

(Có nội dung Quy định chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Ngân sách Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng) ✍

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này Quy định về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

Việc phân cấp quản lý tài sản công đối với cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định về quản lý tài sản tại cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là những tài sản được cơ quan có thẩm quyền giao, mua sắm, thuê, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư; mua sắm, thuê, phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi của đơn vị hoặc tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật gồm:

- Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
- Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị;
- Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu;
- Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

3. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước;
- Đơn vị sự nghiệp công lập;

- Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội;

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công;

- Không áp dụng đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công

Phân cấp thẩm quyền đối với công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các trường hợp sau:

1. Mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.
2. Thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.
3. Thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước.
4. Điều chuyển tài sản công.
5. Bán tài sản công tại cơ quan nhà nước.
6. Thanh lý tài sản công tại cơ quan nhà nước.
7. Tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước.
8. Xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
9. Mua sắm, thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập.
10. Thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.
11. Quản lý tài sản công tại các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
12. Điều chuyển tài sản dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan Nhà nước

1. Đối với tài sản công của cơ quan nhà nước trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của các cơ quan Nhà nước đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô các loại (sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh);

c) Máy móc, thiết bị, các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện) quyết định mua sắm tài sản công (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều này) của các cơ quan nhà nước thuộc huyện quản lý có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương quyết định mua sắm tài sản công (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này) dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản của cơ quan và các đơn vị trực thuộc có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng cơ quan nhà nước trực thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương; Thủ trưởng các phòng, ban, hoặc tương đương trực thuộc cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) quyết định mua sắm tài sản công (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này) có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

6. Đối với việc mua sắm tài sản công thuộc Danh mục tài sản mua sắm tập trung thuộc cấp tỉnh ban hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho một cơ quan nhà nước thực hiện mua sắm tập trung và thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp tài sản theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý trong trường hợp số tiền thuê có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/năm, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính về sự cần thiết thuê tài sản, sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Nguồn kinh phí để thuê trụ sở làm việc được bố trí trong dự toán được giao hàng năm hoặc bổ sung dự toán trong năm của đơn vị.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương quyết định thuê trụ sở làm việc của cơ quan và các đơn vị trực thuộc trong trường hợp số tiền thuê có giá trị dưới 100 triệu đồng/năm, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính về sự cần thiết thuê tài sản, sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Nguồn kinh phí để thuê trụ sở làm việc được bố trí trong dự toán được giao hàng năm của đơn vị.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước thuộc huyện quản lý trong trường hợp số tiền thuê có giá trị dưới 100 triệu đồng/năm, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Phòng Tài chính - Kế hoạch về sự cần thiết thuê tài sản, sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Nguồn kinh phí để thuê trụ sở làm việc do huyện tự cân đối trong dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

2. Thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc) để phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản khác để phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi tỉnh quản lý trong trường hợp số tiền thuê có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên/năm tính cho 01 đơn vị tài sản, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính về sự cần thiết thuê tài sản, sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Nguồn kinh phí thuê tài sản khác được bố trí trong dự toán được giao hàng năm của các cơ quan nhà nước.

b) Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, thủ trưởng đơn vị trực thuộc cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan nhà nước cấp huyện hoặc tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản khác để phục vụ hoạt động của cơ quan trong trường hợp số tiền thuê có giá trị dưới 100 triệu đồng/năm tính cho 01 đơn vị tài sản. Nguồn kinh phí thuê tài sản khác được bố trí trong dự toán được giao hàng năm của cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện hoặc tương đương, cấp xã, phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công.

3. Trên cơ sở dự toán được giao hàng năm, các cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện thuê tài sản theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô các loại.

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài

sản (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) của các cơ quan nhà nước trong phạm vi nội bộ ngành mình, cấp mình quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô các loại.

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính căn cứ đề nghị điều chuyển tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương quyết định điều chuyển tài sản công (trừ tài sản được quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và cấp huyện.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nội bộ ngành mình, cấp mình quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại cơ quan Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất).

b) Xe ô tô các loại.

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính căn cứ đề nghị bán tài sản công của các Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và chế độ quản lý tài sản công hiện hành để quyết định bán tài sản công (trừ tài sản được quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều này) là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công (trừ tài sản được quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều này) là máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi của ngành mình, cấp mình quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công (bao gồm quyền sử dụng đất) tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đối với các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Xe ô tô các loại.

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công (không bao gồm quyền sử dụng đất, xe ô tô) trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công (không bao gồm quyền sử dụng đất, xe ô tô) thuộc phạm vi của ngành mình, cấp mình quản lý trên cơ sở ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan liên quan đối với:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

- Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại cơ quan nhà nước

1. Đối với tài sản bị tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo văn bản của pháp luật có liên quan.

2. Đối với tài sản tại các cơ quan nhà nước phải tiêu hủy; các cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm theo phân cấp thì thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó ra quyết định tiêu hủy.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định việc xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Trường hợp tài sản công bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khác; các cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm theo phân cấp thì thủ trưởng cơ quan nhà nước đó có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Mục 2
PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản công (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

d) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Thuê tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thẩm quyền quyết định thuê tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

c) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Nguồn kinh phí mua sắm, thuê tài sản công được bố trí trong dự toán được giao hàng năm và nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Quy định này.

b) Nội dung, trình tự, thủ tục thu hồi, điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ- CP.

2. Bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

b) Trình tự, thủ tục và việc tổ chức bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại các Điều 23, 24, 26 và 27 Nghị định số 151/2017/NĐ- CP.

3. Thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

b) Trình tự, thủ tục và việc tổ chức thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại các Điều 29, 30 và 31 Nghị định số 151/2017/NĐ- CP.

4. Tiêu hủy tài sản công và xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

b) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

Mục 3

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP; TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 14. Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

1. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

a) Đối với tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội: thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II của Quy định này.

b) Đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội: thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương II của Quy định này.

2. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

a) Đối với tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được cơ quan nhà nước giao quản lý, sử dụng hoặc các tài sản khác được hình thành từ ngân sách nhà nước: thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II của Quy định này.

b) Đối với tài sản không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức hội.

Mục 4

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Điều 15. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện theo quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp. / . n @



CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng